

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2019 của dự án Hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp (LCASP) tỉnh Bình Định (Nguồn vốn ADB)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3559/QĐ-BNN-TC ngày 31/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp;

Căn cứ Quyết định số 4106/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 31/10/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án “Hỗ trợ Nông nghiệp Cacbon thấp” giai đoạn 2013-2018 tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu nguồn vốn nước ngoài (ODA) năm 2019 cho Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp - LCASP;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 320/TTr-SNN ngày 24/10/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2019 của dự án Hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp (LCASP) tỉnh Bình Định với các nội dung như sau:

1. Dự toán kinh phí đã phê duyệt năm 2019 từ nguồn vốn ADB: 10.644.000.000 đồng, bao gồm:

|                                                                    |                    |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------|
| - Hợp phần Quản lý chất thải chăn nuôi                             | 6.194.060.000 đồng |
| - Hợp phần Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp | 3.829.170.000 đồng |
| - Hợp phần Quản lý dự án                                           | 620.770.000 đồng   |

2. Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí thực hiện các hợp phần trên: 2.960.490.000 đồng, sang thực hiện ghi thu ghi chi cho chi phí đã được kiểm soát chi năm 2016 của dự án, bao gồm:

|                                                                           |                    |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| - Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện Hợp phần Quản lý chất thải chăn nuôi | 2.517.440.000 đồng |
| - Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện Hợp phần Quản lý dự án               | 443.050.000 đồng   |

(Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K10,

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Châu**

**Phụ lục:**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019  
CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LCASP TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số:        /QĐ-UBND ngày    /11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

| TT         | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Kế hoạch<br>vốn ADB<br>đã phê<br>duyet | Kế hoạch<br>vốn ADB<br>phê duyệt<br>điều chỉnh | Chênh<br>lệch    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------|------------------|
|            | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>10.644,00</b>                       | <b>10.644,00</b>                               | <b>0,00</b>      |
| <b>I</b>   | <b>Hợp phần 1 : Quản lý chất thải chăn nuôi</b>                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>6.194,06</b>                        | <b>3.676,62</b>                                | <b>-2.517,44</b> |
|            | <b>Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải<br/>chăn nuôi và phát triển thị trường các bon</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>991,70</b>                          | <b>710,90</b>                                  | <b>-280,80</b>   |
| <b>I.1</b> | <b>Hoạt động 1</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>0,00</b>                            | <b>0,00</b>                                    | <b>0,00</b>      |
| I.1.1      | Tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân và các<br>bên liên quan khác về quản lý toàn diện chất thải chăn<br>nuôi                                                                                                                                                                                         | 0,00                                   | 0,00                                           | 0,00             |
| <b>I.2</b> | <b>Hoạt động 2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>991,70</b>                          | <b>710,90</b>                                  | <b>-280,80</b>   |
| I.2.1      | Thông tin, tuyên truyền về quản lý toàn diện chất thải<br>chăn nuôi, (Hội thảo tập huấn phổ biến thể chế chính<br>sách, lợi ích công trình KSH... , xây dựng chương trình<br>phát trên phương tiện thông tin đại chúng, in đĩa và in<br>trên các sản phẩm tuyên truyền, viết tin, tờ rơi, áp<br>phích,...) | 343,70                                 | 343,70                                         | 0,00             |
| I.2.2      | Hội thảo lựa chọn tiêu chí và các hộ chăn nuôi tiềm<br>năng sẽ xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ,<br>vừa và lớn.                                                                                                                                                                                 | 0,00                                   | 0,00                                           | 0,00             |
| I.2.3      | Tập huấn vận hành công trình khí sinh học, đảm bảo<br>môi trường trong chăn nuôi.                                                                                                                                                                                                                          | 648,00                                 | 367,20                                         | -280,80          |
|            | <b>Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình<br/>khí sinh học</b>                                                                                                                                                                                                                                | <b>5.202,36</b>                        | <b>2.965,72</b>                                | <b>-2.236,64</b> |
| <b>I.7</b> | <b>Hoạt động 7</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>627,36</b>                          | <b>370,72</b>                                  | <b>-256,64</b>   |
| I.7.1      | Chi phí cho kỹ thuật viên, kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật cho<br>các hộ nông dân xây/lắp đặt công trình khí sinh học<br>(Khảo sát, thiết kế, giám sát chất lượng, nghiệm thu<br>công trình, hướng dẫn vận hành công trình khí sinh<br>học)                                                                          | 377,36                                 | 220,72                                         | -156,64          |
| I.7.2      | Kiểm tra, giám sát công trình khí sinh học đang vận<br>hành nhằm đảm bảo về môi trường (Chi phí công tác<br>phí...) và điều tra thu thập cơ sở dữ liệu                                                                                                                                                     | 250,00                                 | 150,00                                         | -100,00          |
| <b>I.8</b> | <b>Hoạt động 8</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>0,00</b>                            | <b>0,00</b>                                    | <b>0,00</b>      |
| I.8.1      | Tập huấn thợ xây/lắp đặt, Kỹ thuật viên.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0,00                                   | 0,00                                           | 0,00             |
| <b>I.9</b> | <b>Hoạt động 9</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>4.575,00</b>                        | <b>2.595,00</b>                                | <b>-1.980,00</b> |

|              |                                                                                                                                                                                                                                        |                 |                 |                 |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| I.9.1        | Hỗ trợ tài chính trực tiếp xây các công trình khí sinh học và cải thiện môi trường chăn nuôi (công trình nhỏ mỗi công trình 3 triệu VNĐ, công trình cỡ vừa mỗi công trình 10 triệu VNĐ, công trình cỡ lớn mỗi công trình 20 triệu VNĐ) | 4.575,00        | 2.595,00        | -1.980,00       |
| <b>III</b>   | <b>Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp</b>                                                                                                                                                             | <b>3.829,17</b> | <b>3.829,17</b> |                 |
|              | <i>Tiểu hợp phần 3.1. Thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp các bon thấp</i>                                                                                                                                                                   | <i>150,00</i>   | <i>150,00</i>   |                 |
| <b>III.2</b> | <b>Hoạt động 2</b>                                                                                                                                                                                                                     | <b>50,00</b>    | <b>50,00</b>    |                 |
| III.2.1      | Thông tin, tuyên truyền về sản xuất NN các bon thấp (Xây dựng chương trình phát trên phương tiện thông tin đại chúng, in đĩa in đĩa và in trên các sản phẩm tuyên truyền, viết tin, tờ rơi,...)                                        | 50,00           | 50,00           |                 |
| <b>III.3</b> | <b>Hoạt động 3</b>                                                                                                                                                                                                                     | <b>100,00</b>   | <b>100,00</b>   |                 |
| III.3.1      | Tổ chức các chuyến thăm quan trong nước học tập trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công nghệ khí sinh học, quản lý chất thải chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp các bon thấp                                                            | 100,00          | 100,00          |                 |
|              | <b>Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp</b>                                                                                                                                                                | <b>3.679,17</b> | <b>3.679,17</b> |                 |
| <b>III.6</b> | <b>Hoạt động 6</b>                                                                                                                                                                                                                     | <b>3.679,17</b> | <b>3.679,17</b> |                 |
| III.6.1      | Hội thảo xác định nhu cầu xây dựng, lựa chọn mô hình trình diễn và giới thiệu công nghệ đã được nghiên cứu thành công cho nông dân và cán bộ tỉnh                                                                                      | 0,00            | 0,00            |                 |
| III.6.2      | Kinh phí thực hiện mô hình trình diễn và mô hình thí điểm                                                                                                                                                                              | 3.679,17        | 3.679,17        |                 |
| <b>III.7</b> | <b>Hoạt động 7</b>                                                                                                                                                                                                                     | <b>0,00</b>     | <b>0,00</b>     |                 |
| III.7.1      | Tập huấn cho nông dân và cán bộ khuyến nông về sản xuất nông nghiệp các bon thấp                                                                                                                                                       | 0,00            | 0,00            |                 |
| <b>IV</b>    | <b>Hợp phần 4. Quản lý dự án</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>620,77</b>   | <b>177,72</b>   | <b>-443,05</b>  |
| IV.1         | Chi lương và phụ cấp cho Ban quản lý dự án tỉnh                                                                                                                                                                                        |                 |                 | 0,00            |
| IV.2         | Chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án tỉnh                                                                                                                                                                                           | 620,77          | 177,72          | -443,05         |
| <b>V</b>     | <b>Vốn Ghi thu - ghi chi bổ sung cho chi phí đã KSC năm 2016</b>                                                                                                                                                                       |                 | <b>2.960,49</b> | <b>2.960,49</b> |